

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2018/DS-ST
Ngày: 15 – 11 - 2018
V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa P1ên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Anh.

Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký P1ên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia P1ên tòa: Ông Nguyễn Văn Kho - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2018/TLST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXDS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1988.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh P2, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông P1 có mặt, ông P2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn P1 và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn P1 trình bày: Vào năm 2015, Nhà nước có thành lập chợ tại kinh 79, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An. Lúc đó, ông Nguyễn Thanh P2 làm việc tại Ủy ban nhân dân xã T. Thời điểm đó, ông P1 muốn đăng ký mua lô chợ nhưng ông P2 bảo lô chợ chỉ

cấp cho cán bộ nên ông P1 nhờ ông P2 đăng ký mua 02 lô chợ. Ông P1 đã đưa cho ông P2 số tiền 12.000.000 đồng và mua vật tư, thuê công làm để lắp ráp 02 lô chợ hết 10.000.000 đồng. Khi ông P1 tiến hành lắp ráp 02 lô chợ thì Ủy ban nhân dân xã T không cho phép vì người đăng ký thuê đất là ông P2. Ngày 25 tháng 7 năm 2017, Ủy ban nhân dân xã T lập biên bản giải quyết yêu cầu ông P2 phải trả lại cho ông P1 số tiền 12.000.000 đồng và mua lại vật tư của ông P1. Sau đó, ông P2 có trả cho ông P1 6.000.000 đồng. Hiện nay, ông P1 đang quản lý toàn bộ số vật tư đã mua và đồng ý tiếp tục quản lý, sử dụng số vật tư đã mua. Do đó, ông P1 khởi kiện yêu cầu ông P2 phải trả lại ông P1 tiền mua bán 02 lô chợ 6.000.000 đồng, tiền vật tư, tiền thuê công làm 5.000.000 đồng. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 1.800.000 đồng, ông P1 tự nguyện chịu 900.000 đồng và yêu cầu ông P2 phải hoàn trả lại cho ông P1 900.000 đồng.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn - Ông Nguyễn Thanh P2 trình bày: Ông P2 đồng ý vào ngày 04 tháng 10 năm 2018 sẽ trả cho ông P1 tiền mua bán 02 lô chợ với số tiền 6.000.000 đồng, tiền vật tư, tiền thuê công làm 5.000.000 đồng. Đồng thời, ông P2 đồng ý giao toàn bộ số vật tư đã mua cho ông P1 được quản lý, sử dụng. Đối với tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 1.800.000 đồng trong trường hợp ông P1 không chịu thì ông P2 tự nguyện chịu toàn bộ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tổng đạt hợp lệ cho ông P2 nhưng ông P2 chỉ có 01 lần đến tham dự phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ông P1 và ông P2 không thống nhất thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Kho - Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định như việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, việc gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng pháp luật, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh luận và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của ông P1 là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông P1 và ông P2, buộc ông P2 phải trả lại ông P1 tiền mua bán 02 lô chợ 6.000.000 đồng, tiền vật tư, tiền thuê công làm 5.000.000 đồng, tiếp tục giao toàn bộ vật tư cho ông P1 được quản lý, sử dụng; về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 1.800.000 đồng, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của ông P1 tự nguyện chịu 900.000 đồng và yêu cầu ông P2 phải hoàn trả lại cho ông P1 900.000 đồng; đề

ngợi buộc ông P2 phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 11.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi lại tài sản, bị đơn là ông P2 có địa chỉ tại ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông P2 tại phiên tòa: Ông P2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông P2 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P2 là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của ông P1: Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông P1 và ông P2, buộc ông P2 phải thực hiện nghĩa vụ trả lại cho ông P1 tiền mua bán 02 lô chợ 6.000.000 đồng, tiền vật tư, tiền thuê công làm 5.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 166 của Bộ luật dân sự.

[4] Về vật tư: Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông P1 và ông P2, tiếp tục giao cho ông P1 được quản lý, sử dụng đối với 15 cây sắt 03 vuông 01 ly đã làm mái che với diện tích 20 m²/3 mái che; 02 cây tiếp 49 tròn 01 ly, mỗi cây dài 6 m; 02 cây tiếp 21 tròn 1,2 ly, mỗi cây dài 6 m; 06 cây vê 04 lỗ đã làm thành 02 kệ, mỗi kệ có kích thước 60 cm x 120 cm x 80 cm; 04 cây vê 03 lỗ, mỗi cây dài 4 m; 21 m tôn màu xanh ngọc 3,5 dem; 02 bao xi măng Vicent (đã chết); 100 viên gạch; 40 m dây điện hiệu Korea trong đó có 10 m 7 tua 60 và 30 m 8 tua 12; 01 cái đồng hồ điện hộ gia đình; 06 ổ khóa cửa hiệu Hengchuan, trong đó 04 cái size 50 mm và 02 cái size 63 mm; 08 bù lon con tán có kích thước 8 mm x 12 cm; 01 hộp sơn Bạch Tuyết 800 gram; 10 cây trà loại 1 trong đó 05 cây dài 3 m và 05 cây dài 5 m; 04 cái khên lỗ loại cao 02 tấc.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu của ông P1, buộc ông P2 phải hoàn trả lại cho ông P1 số tiền 900.000 đồng là phù hợp quy định tại các Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông P1 được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông P2 phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 11.000.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước; ông P1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Nguyễn Văn P1 và ông Nguyễn Thanh P2, buộc ông Nguyễn Thanh P2 phải thực hiện nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn P1 tổng số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Nguyễn Văn P1 và ông Nguyễn Thanh P2, tiếp tục giao cho ông Nguyễn Văn P1 được quản lý, sử dụng đối với 15 cây sắt 03 vuông 01 ly đã làm mái che với diện tích 20 m²/3 mái che; 02 cây tiếp 49 tròn 01 ly, mỗi cây dài 6 m; 02 cây tiếp 21 tròn 1,2 ly, mỗi cây dài 6 m; 06 cây vè 04 lỗ đã làm thành 02 kệ, mỗi kệ có kích thước 60 cm x 120 cm x 80 cm; 04 cây vè 03 lỗ, mỗi cây dài 4 m; 21 m tôn màu xanh ngọc 3,5 dem; 02 bao xi măng Vicent (đã chết); 100 viên gạch; 40 m dây điện hiệu Korea trong đó có 10 m 7 tua 60 và 30 m 8 tua 12; 01 cái đồng hồ điện hộ gia đình; 06 ổ khóa cửa hiệu Hengchuan, trong đó 04 cái size 50 mm và 02 cái size 63 mm; 08 bù lon con tán có kích thước 8 mm x 12 cm; 01 hộp sơn Bạch Tuyết 800 gram; 10 cây trầm loại 1 trong đó 05 cây dài 3 m và 05 cây dài 5 m; 04 cái khên lỗ loại cao 02 tấc.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Thanh P2 phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn P1 số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

4.1 Án phí của vụ án là 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Thanh P2 phải có nghĩa vụ chịu 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

4.2 Về tạm ứng án phí: Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn P1 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006797 ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA P1ÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

